

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Phụng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Khải

Ông Phạm Văn Khuyến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quang Chung - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chu Kim V, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Chu Kim V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1981, địa chỉ thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2006 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước.

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông D thường xuyên say xỉn, đánh đập, hành hạ, chửi bới bà. Từ tháng 10 năm 2024, bà đã đi khỏi nhà và sống ly thân với ông D từ đó cho đến nay.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trở lên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn D

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có hai con chung gồm Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/12/2007 và Nguyễn Anh V1, sinh ngày 07/5/2010.

Từ khi đi khỏi nhà, bà có đưa cháu Nguyễn Anh V1 đi cùng. Hai mẹ con thuê nhà trọ tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Bà đi làm công nhân ở thành phố Đ, cháu Văn học lớp 8 Dấu THCS Nguyễn D1 tại xã P. Còn cháu Nguyễn Anh T vẫn sống cùng ông D ở thôn P, xã P và hiện đang học lớp 12 Dấu THPT N, xã P.

Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh V1 và đề nghị giao cháu Nguyễn Tuấn A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn D hiện đang sinh sống tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng xong ông D đều từ chối nhận vì lý do bà V tự bỏ nhà đi thì tự giải quyết, ông không có ý kiến gì, không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào.

Tại phiên tòa hôm nay, ông D vắng mặt lần 2 thứ hai không có lý do; bà Chu Kim V có đơn xin giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy bà Chu Kim V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Theo lời trình bày của bà V, xác minh tại địa phương được biết giữa các bên có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Điều này, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà V, ông D đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56 của Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Chu Kim V; chấp nhận yêu cầu về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử

không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng:*

Bà Chu Kim V khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn D. Bị đơn thường trú tại thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng căn cứ các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[a] Xét yêu cầu ly hôn:

Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà Chu Kim V, ông Nguyễn Văn D được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P nay là huyện P, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2006, quyển số 01 ngày 16/6/2006, là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Nguyên nhân do ông D thường xuyên nhậu nhẹt, say sưa, chửi bới, đánh đập bà V. Theo kết quả xác minh, thu thập thông tin được biết trong quá trình chung sống, ông D, bà V có mâu thuẫn, cãi vã và cách đây khoảng 02 năm, bà V đã dọn đồ chuyển nơi sinh sống cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bà V luôn cương quyết yêu cầu ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được. Trên cơ sở trình bày của đương sự, các thông tin thu thập xác minh cho thấy hôn nhân giữa ông D, bà V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được, các bên không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nên đời sống chung không thể tiếp tục duy trì. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Chu Kim V.

[b] Về nuôi dưỡng con chung: Ông D, bà V có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/12/2007 và cháu Nguyễn Anh V1, sinh ngày

07/5/2010. Bà V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Anh V1 và giao cháu Nguyễn Tuấn A cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu về nuôi dưỡng con chung của bà V: Quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà V không thỏa thuận, thương lượng về việc nuôi dưỡng con chung. Thực tế, cháu Tuấn A đang sống cùng ông D và đang học lớp 12 trường THPT N; cháu A V1 đang sống cùng bà V và học lớp 8 trường THCS N. Tòa án đã đến nơi cư trú của ông D để lấy ý kiến, nguyện vọng cháu Tuấn A nhưng ông D từ chối làm việc với Tòa án đồng thời không nêu nguyện vọng, ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn; cháu A vẫn có nguyện vọng được chung sống với bà V. Xét thấy, kể từ thời điểm ông D, bà V sống ly thân cho đến nay, các cháu đều đang sống, đi học ổn định. Nguyện vọng của bà V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A V1, giao cháu Tuấn A cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng cũng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và khả năng thực tế của các bên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Chu Kim V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147; 228; 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Chu Kim V.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Kim V ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

[2] Về việc nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Nguyễn Anh V1, sinh ngày 07/5/2010 cho bà Chu Kim V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Giao

cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 12/12/2007 cho ông Nguyễn Văn D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống cùng với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Chu Kim V phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011673 ngày 10/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng. Bà V đã hoàn thành nghĩa vụ chịu án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện PR;
- THADS huyện PR;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Riềng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phụng

